

CUỘC CÁCH MẠNG GIÁO DỤC VIỆT-NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Cuộc Cách mạng Chính Trị ở Pháp, cuộc Cách mạng Kỹ Nghệ ở Anh và cuộc Cách mạng Ý Thức Hệ ở Nga đã khởi xướng một sự thay đổi lớn lao ở khắp nơi trên thế giới - Kỷ Nguyên của Cách Mạng. Chưa bao giờ trong lịch sử thế giới nhiều quốc gia và nhiều xã hội trải qua những sự thay đổi nhiều như thế: thay đổi từ cơ cấu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đến hệ thống tư tưởng, tâm lý, và tâm linh. Nguồn gốc của những sự thay đổi này rất phức tạp và do nhiều nguyên do, trong đó gồm cả ảnh hưởng văn hóa Tây phương, chủ nghĩa thực dân (colonialism), sự xuất hiện của nền kinh tế thị trường, và đời sống kỹ nghệ hóa.

Ở Việt-Nam, cuộc Cách Mạng Giáo Dục đã đến trước khi có cuộc cách mạng về chính trị, về kỹ nghệ, về ý thức hệ. Cuối thế kỷ thứ 19, người Pháp đã đem chủ nghĩa thực dân đến Việt-Nam. Chủ nghĩa thực dân này đã đem đến sự kỹ nghệ hóa và đô thị hóa Việt-Nam. Chủ nghĩa thực dân cũng bào mòn dần uy quyền chính trị của Hoàng-đế Việt-Nam khiến cho chính thể quân chủ không còn lý do để tồn tại nữa. Chủ quyền chính trị thực sự do chính phủ thuộc địa Pháp nắm giữ, công cuộc kỹ nghệ hóa thì do những nhà tư bản Pháp tài trợ và thực hiện. Người Việt-Nam chỉ còn một lĩnh vực quan trọng mà họ nghĩ là họ có thể ảnh hưởng được và có kết quả lâu dài về sau. Đó là Giáo Dục.

*

Giáo dục là một yếu tố cần thiết cho sự tiến bộ và sinh tồn của quốc gia. Định hướng sai lầm hoặc đình trệ sự năng động của lĩnh vực giáo dục có thể kềm hãm sự phát triển của cá nhân và xã hội, đưa đến những thiệt hại nghiêm trọng ảnh hưởng đến toàn thể xã hội trong một thời gian lâu dài.

Ở Việt-Nam, **nho-học** đã được chọn làm môn học chính trong chương trình học hiệu từ đời Trần đến đời Nguyễn, khoảng bảy trăm năm, để đáp ứng nhu cầu mục đích chính trị và nhân sinh của đất nước. Giáo dục thời lịch triều có hai mục đích: thứ nhất là mục đích **chính trị** hay là *thuật trị nước*, và thứ nhì là mục đích **nhân-sinh vị luân-lý** hay là *đạo làm người*, trong đó ngũ-luân (*quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu*) và tinh thần gia-tộc được đề cao. Thuật trị nước và đạo làm người của nho-học giúp cho việc đào luyện những con người biết trọng đức *nhân*, gây dựng những cá nhân có phẩm hạnh đạo đức theo mẫu người *quân-tử*, tạo một xã hội chuộng *lễ nghĩa*, và lập một quốc gia có *kỷ cương* để mọi người dân được an cư lạc nghiệp.

Trong thời gian bảy trăm năm lịch sử đó, nền giáo dục nho-học đã đạt đến những hiệu quả nào ?

Dựa theo tài liệu về các nhân tài đã được đào tạo trong thời kỳ khoa cử nho-học, người ta thấy rằng nền giáo dục nho-học đã thỏa đáp được những mục đích sau đây:

- Mục đích nhân-sinh:
 - Những người học nho-học thường biết cách cư xử với người chung quanh: nhân hậu, khoan dung, ngay thẳng, công bằng, không thiên vị, không tham, không hiếu sắc; có lòng trung đối với vua, biết can gián vua, giữ được tiết tháo liêm sỉ, tự mang trách nhiệm cứu dân giúp nước khi đất nước gặp cơn biến loạn.

- Phần nhiều họ đều cố gắng giữ sĩ-khí, thực hành điều đã học.
- Mục đích chính-trị:
 - Những người đỗ đạt thường đảm nhận trách nhiệm của những người cầm quyền kinh bang tế thế, những nhà chính trị mưu định kế sách quốc gia, những nhà ngoại giao khéo léo “đi sứ bốn phương không nhục mệnh vua”, những người làm quan thực thi quyền hành chánh và tư pháp tại các nơi từ tỉnh lớn đến huyện nhỏ, những nhà mô phạm nêu gương tiết tháo cho dân chúng, những nhà sử học nghiêm túc, những nhà văn học tài hoa.
 - Nhờ có tư cách đạo đức, họ được dân chúng kính trọng và tin rằng những quyết định của họ không phải vì lợi riêng mà là vì ích chung cho đoàn thể, xã hội.
 - Gặp khi quốc biến hay tao loạn, rất nhiều nho-sĩ cầm quân đánh giặc, dập lũy xây thành, động viên tinh thần quân sĩ, xông pha nơi nguy hiểm.
 - Họ tin rằng họ có trách nhiệm trong việc giữ gìn kỷ cương xã hội mà quan trọng nhất là việc giữ gìn những nguyên tắc đạo-đức nho-học để giúp xã hội được ổn định, mọi người dân được yên ổn làm ăn và vui sống.
 - Phần nhiều họ đều hiểu rõ cái thuật trị dân giúp nước.

Nuôi dưỡng được phẩm hạnh đạo-đức cá-nhân, đào tạo được nhiều nhân tài hiền-đức giúp việc trị nước, củng cố được ý thức về tinh thần đoàn-thể, đó chính là các kết quả đạt được nhờ nền giáo dục nho-học từ đời Trần.

Nền giáo dục nho-học tiếp tục được duy trì cho đến đời Nguyễn.

Đầu thế kỷ thứ 19, chính vua Thánh-tổ nhà Nguyễn (Minh-mạng, 1820 – 1840) là người đã nhìn ra khuyết điểm của lối học khoa cử từ chương và đã nhận xét về việc học trong nước như sau:

“Lâu nay khoa-cử làm cho người ta sai lầm. Trẫm nghĩ văn-chương vốn không có qui-cử nhất-định, mà nay những văn cử-nghiệp chỉ câu-nệ cái hủ-sáo khoe-khoang lẫn với nhau, biệt-lập mỗi nhà một lối, nhân-phẩm cao hay thấp do tự đó, khoa tràng lấy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào mà nhân-tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập-tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại.”

Việc giáo dục của Việt-Nam đã đến lúc cần được cải cách nhưng chưa ai rõ là cần cải cách như thế nào.

Giữa thế kỷ thứ 19, một số sĩ-phu, do sự giao thiệp với người ngoại quốc, đã nhận thấy rằng trên một số phương diện, Việt-Nam cần có những sự thay đổi để sinh tồn trong thời buổi cạnh tranh lúc ấy của thế giới.

Từ khoảng năm 1866, Nguyễn Trường Tộ đã dâng lên vua *Các Bản Điều Trần*, đề nghị những việc như sau: mở mang công nghiệp và thương nghiệp, khai mỏ, khuyến khích kỹ nghệ, phát triển nghề nông, sửa đổi việc đánh thuế, thay đổi việc học, in sách, tổ chức lại quân đội, lập bang giao với các nước ngoài, ...

Sau đó có Đinh Văn Điền (1868) dâng tờ điều-trần đề nghị việc lập dinh-điền, khai mỏ vàng, làm xe lửa, mời người Tây-phương sang dạy người Việt-Nam, liên kết với nước Anh, ...

Hộ-bộ Thượng-thư Phạm Phú Thứ đã từng đề nghị mở mang thương nghiệp trong nước và thông thương với các nước ngoài.

Khoa-đạo Lê Đình đi sứ Hương-Cảng về (1881) tâu rằng : “Các nước Tây-phương giàu mạnh chẳng qua nhờ việc buôn và việc binh mà thôi: dùng binh để giữ nghề buôn, dùng nghề buôn để nuôi binh, nên chính đốn việc thông thương là cần cấp hơn. Gần đây nước Nhật-bản bắt chước Tây-phương thông thương với mọi nước, nước Tàu cũng làm theo cách ấy dần dần cường thịnh được. Có kẻ nói sản

vật nước ta vẫn nhiều (như vàng, bạc, than mỏ), người thông minh cũng đông, nếu cùng gắng sức mà làm thì việc giàu mạnh cũng chẳng khó gì, chỉ vì văn thơ phiền quá và việc làm hay câu nệ lắm thôi.”

Cùng năm ấy, quan Hàn-lâm-viện tu soạn Phan Liêm mật tâu các việc như : mở thương-cuộc hợp vốn đi buôn, cho khai mỏ, cho người học ngoại ngữ và kỹ nghệ cơ xảo ngoại quốc.

Khi Pháp tấn công vào Đà-nẵng (1858), rồi Biên-hoà, Gia-định, Cần-giờ (1859), lúc ấy vua Dục-tông đang trị vì. Đứng trước nguy cơ bị Pháp xâm lăng, một mặt vua lo thương thuyết với người Pháp (1863 – 1864), mặt kia cho người dịch sách Pháp ra chữ Hán, dạy lại học trò, khiến Giám-mục Hậu (Gauthier) cùng Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Điều qua Pháp thuê thợ và mua máy móc (1866). Theo lời đình thần, vua cho tìm người chế đạn, biết sửa máy tàu, chế máy cưa, biết nấu đồng đúc súng để vào làm việc ở bộ Binh.

Vua truyền xét cử người hiền tài, chia làm tám hạng về 1/đức hạnh, 2/tài trí, 3/chính trị, 4/quân sự, 5/ngoại giao, 6/tài chính, 7/văn học, 8/kỹ thuật, tiểu công nghệ, thuốc, thiên văn, lịch, bói toán (1871). Vua cũng khiến các đại-thần tìm kiếm người có học thức tài trí, hiểu tình thế, biết chữ và tiếng ngoại quốc (1873). Các ngành tiểu công nghệ được khuyến khích, nghiệp hộ dật nhưng ở làng Giao-cầu (Hà-nội) được thưởng, việc khai mỏ bạc ở Cao-bằng, mỏ than đá ở Quảng-yên được tiến hành.

Năm 1874, Hộ-bộ Thượng-thư Phạm Phú Thứ được cử làm tổng-đốc Hải-Yên kiêm nhiệm vụ tổng-lý thương-chánh đại-thần, lo việc buôn bán với nước ngoài: Pháp và Trung-Hoa.

Vua cho thông lục các điều khoản nghị định về việc đi du học nghề và ngoại ngữ. Con em các quan khoảng tuổi hai mươi, ai muốn đi Hương-cảng hoặc đi Pháp học, được cấp lộ phí, cho phép đi học trong năm năm, đi học về được bổ tú-tài, cử-nhân.

Năm 1879, vua khiến nguyên khâm-phái qua Pháp đầu xảo là Nguyễn Thành Ý đem học sinh qua học trường Cơ-khí ở Toulon (Pháp), năm 1881 cho 12 học sinh theo thị-lang bộ Lễ là Phạm Bính sang Hương-cảng học trường nước Anh, năm 1882 khiến cửu-phẩm Y-sanh Nguyễn Văn Tâm qua Hương-cảng học phép chùng đậu.

Vua cho in các sách Pháp để bán cho học trò. Đó là các sách *Bác-vật tân-biên*, *Vạn-quốc công-pháp*, *Hàng-hải kim-châm*, *Khai-môi yếu-pháp*.

Những việc khai mỏ, mở mang buôn bán, gửi người đi du học, v.v... theo như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Phan Liêm, Lê Đình, v.v... đề nghị, vua đều cố sức làm. Xem như thế thì biết vua Dục-tông rất lo lắng khi biết quân sự và kỹ thuật của mình thua người Pháp.

Nhưng một nước như nước Việt mới bắt đầu có người học kỹ thuật làm sao địch lại được một cường quốc đã tiến triển cả hai ba trăm năm trước về khoa học kỹ thuật, công nghệ, quân khí, chủ mưu tiến chiếm nước mình ?

Năm 1874 khi sứ-bộ Phan Sĩ Thuộc ở Trung-Hoa về, vua Dục-tông hỏi việc Trung-Hoa đối xử với các nước Tây-phương như thế nào, hỏi về chính sự các vua nhà Thanh hay hay dở, về phản ứng của các quan trong triều, v.v...

Trước thế kỷ thứ 19 ở Trung-Hoa, trong những cương vực do triều đình ấn định, đã có người Âu-châu đến buôn bán. Người Bồ-đào-nha (Portuguese) đã từng đem nha-phiến vào bán từ đời Minh, đến đời Thanh thì càng ngày càng nhiều thêm đến nỗi các triều vua Càn-long (1736 – 1796), Gia-khánh (1796 – 1820) đều có lệnh cấm bán nha-phiến.

Nhưng người Anh, sau khi chiếm ưu thế ở Ấn-Độ - là nơi có nhiều nha-phiến - thấy món lợi to tát nên tiếp tục đem nha-phiến từ Ấn-Độ vào bán ở Trung-Hoa. Đến năm 1839, khi triều đình nhà Thanh ra lệnh tịch thu tất cả số lượng nha-phiến của thương gia Anh đem đốt và đổ xuống biển, người Anh phản ứng mạnh mẽ. Do đó đã xảy ra cuộc *Chiến-tranh nha-phiến* đưa đến *Điều-ước Nam-kinh* (1842) theo đó

người Trung-Hoa phải trả cho nước Anh 21 triệu đồng, mở năm hải cảng cho người Anh đến ngụ và làm ăn buôn bán, và nhượng chủ quyền Hương-cảng cho nước Anh.

Những sự xích mích xung đột giữa người Âu-châu và người Trung-Hoa gia tăng khiến cho Anh và Pháp liên kết đánh phá Quảng-đông. Triều đình nhà Thanh phải can thiệp và ký kết *Hòa-ước Thiên-tân* (1858). Hòa-ước chưa kịp thi hành thì xảy ra việc Anh-Pháp đốt phá hoàng thành, triều đình nhà Thanh phải nhượng bộ và ký *Điều-ước Bắc-kinh* (1860). Theo Điều-ước này, Trung-hoa phải cắt đất Cửu-long (Kowloon) cho Anh, mở Thiên-tân cho Anh làm thương cảng, bồi thường Anh Pháp mỗi nước tám triệu lạng bạc.

Sự thất bại của Trung-Hoa không chỉ giới hạn ở phạm vi thương mại, tài chính. Sự thành công của nền văn minh kỹ thuật cơ khí và sự truyền bá của một tôn giáo mới do người Âu-châu đem vào đã làm thay đổi những giá trị đạo đức và văn hóa của một xã hội theo nho-học. Khi triều đình nhà Thanh bất lực trước những biến chuyển của xã hội thì uy quyền của họ bị giảm sút theo.

Nhìn thấy sự thắng thế của các nước Tây-phương đối với Trung-Hoa và muốn tránh cho Việt-Nam khỏi bị tổn hại và xáo trộn, vua Dục-tông đã khước từ buôn bán với người Mỹ, Ý, Y-pha-nho, Anh, Pháp khi họ đến hải cảng Việt-Nam. Vua không ngờ rằng vì nhu cầu bành trướng thương mại của các nước kỹ-nghệ-hóa phương Tây, nhất là Anh và Pháp, cho nên Việt-Nam - một nước nông nghiệp bảo thủ, sống trong một truyền thống xã hội tồn cổ lâu đời từ cả ngàn năm - dẫu muốn bẻ quan tòa cảng để ở yên cũng không thể yên được. Trên khắp thế giới lúc ấy, rất nhiều nước kém mở mang ở Phi-châu, Mỹ-châu cũng như Á-châu đã lần lượt trở thành thuộc-địa của các nước kỹ-nghệ Âu-châu.

Khi Pháp thắng, Việt-Nam thua, không phải chỉ có vấn đề tự ái dân tộc bị tổn thương, kinh tế bị thiệt hại, tài nguyên thiên nhiên bị thất thoát ra nước ngoài mà đây còn là sự thất bại của một truyền thống văn hóa giáo dục từ cả ngàn năm nay.

Nền văn hóa quật cường, tự lập, đặc sắc, đã từng nhiều lần khiến người Trung-Hoa phải nể trọng, cùng với một triết lý giáo dục tài tình khéo léo đã từng đào tạo ra biết bao nhiêu nhân tài chống giữ và xây dựng xứ sở này, đã không đáp ứng được nhu cầu đất nước trong hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ thứ 19. Vì thế, đến đầu thế kỷ thứ 20, khi người Pháp hoàn toàn cai trị Việt-Nam, một số các nho-sinh vừa đỗ các kỳ thi hương thi hội không muốn ra làm quan, có những thanh niên vừa lớn lên không muốn theo cựu-học nữa. Họ Đông-du, họ theo Tây-học, không phải để phục tùng người Tây-phương nhưng để tìm cách cứu nước.